

## TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ

NGUYỄN VĂN TOÀN

### 1. Đặt vấn đề

Đu canh du cư (DCDC) và định canh định cư (ĐCĐC) là hai lối sống phổ biến của cư dân nông nghiệp trên thế giới. DCDC thường tồn tại ở các cư dân canh tác nương rẫy khu vực miền núi khắp các châu lục Á, Phi và Mỹ la tinh.

Từ hơn nửa thế kỷ nay, các nhà nước khắp nơi trên thế giới đang đẩy mạnh thực hiện ĐCĐC đối với các nhóm cư dân du canh và du cư. Quá trình chuyển đổi từ lối sống DCDC sang ĐCĐC đã và đang là mối quan tâm lớn trong chính sách phát triển của hầu hết các quốc gia - nơi những người dân du canh đang sinh sống. Sự thành công của ĐCĐC chủ yếu phụ thuộc vào chính sách và thực hành chính sách của Nhà nước. Chương trình ĐCĐC mà các chính phủ đang theo đuổi đã tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống xã hội người dân du canh, bao gồm cả những rủi ro và thách thức.

Cũng như nhiều nước từ châu Mỹ, Trung Phi cho đến Đông Nam Á, miền núi Việt Nam đang đứng trước những thách thức khá gay gắt về kinh tế - xã hội và môi trường. Hầu hết các dân tộc thiểu số (DTTS) ở miền núi Việt Nam đều canh tác nương rẫy ở những mức độ khác nhau. Vì thế, ĐCĐC các dân tộc thiểu số du canh được coi là một yêu cầu cấp thiết trong chiến lược phát triển miền núi không những của Việt Nam mà còn

của nhiều quốc gia trên thế giới (Lê Ngọc Thắng và cộng sự, 2006, tr. 5). Từ những năm 60 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã sớm đề ra chính sách ĐCĐC đối với người dân DCDC và xem đây là một trong những quyết sách chống lại đói nghèo để phát triển vùng miền núi và dân tộc.

Từ bối cảnh rộng lớn và tầm quan trọng trên nhiều lĩnh vực, nông nghiệp du canh và ĐCĐC không chỉ là mối quan tâm hàng đầu ở các quốc gia có các nhóm cư dân du canh mà lâu nay, đây là chủ đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu và thảo luận của nhiều ngành, nhiều giới, của các nhà hoạch định chính sách quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung đánh giá tình hình nghiên cứu ĐCĐC trên thế giới và ở Việt Nam mấy thập kỷ qua và bước đầu nêu lên một số nhận xét mang tính định hướng nghiên cứu.

### 2. Tình hình nghiên cứu ĐCĐC trên thế giới

Nông nghiệp du canh vốn là một quan tâm truyền thống trong nghiên cứu nhân học trên thế giới. Từ những năm 1960, nông nghiệp du canh và ĐCĐC trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực khác nhau như: nhân học, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa, sinh thái môi trường, lịch sử, ngôn ngữ, các nhà hoạch định chính sách và quản lý...

Nhìn chung, các nghiên cứu về ĐCĐC trên thế giới có thể được chia thành ba nhóm công trình theo chủ đề như sau: 1) ĐCĐC và mối quan hệ giữa Nhà nước và tộc người; 2) Nông nghiệp du canh và ĐCĐC; 3) Tác động của ĐCĐC đối với xã hội, văn hóa tộc người và môi trường.

### **2.1. ĐCĐC và mối quan hệ giữa nhà nước và tộc người**

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, ĐCĐC được thực hiện bởi các nhà nước và sự hỗ trợ của các tổ chức phát triển ở khắp nơi trên thế giới, không phụ thuộc vào thể chế chính trị hay châu lục.

Hầu hết các nghiên cứu theo hướng tiếp cận này, đều coi ĐCĐC là sự can thiệp của các nhà nước tới những nhóm cư dân du canh và du cư thông qua các chính sách hay chương trình phát triển quốc gia. Điều đó thể hiện chức năng của các nhà nước nhằm quản lý lãnh thổ, kiểm soát cư dân, khai thác tài nguyên và tạo nên sự “thống nhất” quốc gia.

Các nhà nước thực hiện ĐCĐC đối với người dân du canh (hay còn gọi là tái định cư) với những mục đích khác nhau ẩn chứa trong đó. Thông qua ĐCĐC, Nhà nước thực thi quyền lực công nhằm quản lý cư dân để bảo đảm chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia, kiểm soát và quản lý các nhóm DTTS và tài nguyên đất nước. Chính sách của các chính phủ, như ở Đông Nam Á, có khuynh hướng nhấn mạnh đến nhu cầu đồng hóa DTTS vào sự “thống nhất” quốc gia. Điều phổ biến là, ĐCĐC và chính sách phát triển thường bị áp đặt theo quan điểm của Nhà nước, của nhóm cư dân đa số trong quốc gia hoặc của người vùng đồng bằng (Keyes, 2002; Fox và cộng sự, 2009).

Các nghiên cứu cho thấy, quan điểm của Nhà nước và người dân về ĐCĐC dường như trái chiều nhau. Chính phủ luôn cho rằng, các dân tộc bản địa sẽ có mức sống tốt hơn, tăng cường khả năng tiếp cận với sản xuất hàng hóa và dịch vụ xã hội thông qua phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, nâng cao sản lượng nông nghiệp và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại. Trong khi đó, người dân lo lắng nhận thấy, cuộc sống mới mang đến không ít khó khăn cùng với sự thay đổi có tính tiến bộ. Họ phải đối mặt với nhiều rủi ro và bất ổn khi chuyển sang cuộc sống ĐCĐC (Mc CasKill, 1997; Marshall, 2006).

Nhiều ý kiến đánh giá về các chính sách ĐCĐC khác nhau của các nhà nước và hiệu quả của nó. Sự can thiệp của nhà nước về ĐCĐC được coi là đạt kết quả tốt hơn đối với hình thức mang tính khuyến khích, tự nguyện. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh nhiều đến việc loại bỏ các “hủ tục” và “lạc hậu” làm cho phần lớn các dự án ĐCĐC của Nhà nước thất bại. Từ khảo sát ở nhiều nước châu Á, theo Keyes (2002, tr. 483-486), những nỗ lực ép buộc các nhóm thiểu số từ bỏ cuộc sống du canh truyền thống, di chuyển họ tới những vùng đất phi truyền thống có thể dẫn tới những xung đột qua thời gian.

Những đánh giá, thảo luận về sự can thiệp của Nhà nước để thực hiện ĐCĐC thường được xem xét dưới góc độ nhân học chính trị khi bàn về mối quan hệ giữa Nhà nước và tộc người. Khuynh hướng chung là nhìn nhận có tính phê phán về ý đồ của Nhà nước hơn là những tiến bộ của chính sách đem lại. Văn hóa tộc người thường được quan tâm bênh vực và bảo vệ trước sự tác động ĐCĐC.

## 2.2. Nông nghiệp du canh và ĐCĐC

Các công trình, ấn phẩm về nông nghiệp du canh và quá trình chuyển đổi sang thực hành ĐCĐC rất phong phú thuộc nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau. Phần lớn các công trình thuộc nhóm này tập trung phân tích, đánh giá về tác động của du canh và ĐCĐC đối với kinh tế, xã hội và môi trường.

Từ các công trình, bài viết cho thấy, có hai quan điểm khác nhau về nông nghiệp du canh. Các chính phủ thường coi canh tác nương rẫy như một phương thức canh tác “lạc hậu”, một hoạt động kinh tế thuần túy (Goudineau và cộng sự, 2004). Cho nên, nông nghiệp nương rẫy thường được nhấn mạnh là cần phải xóa bỏ nhằm “giúp đỡ” người nông dân miền núi hiện đại hóa cách sống của họ và cải thiện môi trường. Ngược lại, các nhà nhân học xem nông nghiệp du canh một cách tổng thể, như là một hệ thống kinh tế, xã hội và văn hóa đặc trưng cho phép cư dân thích ứng khá tốt với môi trường. Quan điểm như vậy dẫn họ tới các lập luận ủng hộ nền văn hóa nông nghiệp du canh trước tác động và thách thức của ĐCĐC (Nguyễn Văn Chính, 2008, tr. 44-45).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra sự thích ứng quan trọng của canh tác nương rẫy đối với môi trường nhờ kiến thức truyền thống, chu kỳ bỏ hóa thích hợp và kỹ thuật xen canh (Baldineli, 2010). Hệ thống nông nghiệp nương rẫy duy trì mức độ cao của đa dạng sinh học trong khi cung cấp sinh kế cho người dân ở các vùng nhiệt đới toàn thế giới. Du canh là hệ sinh thái nông nghiệp truyền thống thân thiện và đa dạng sinh học (Podoch và cộng sự, 2010). Nông nghiệp du canh đã duy trì thành công chức năng liên

kết giữa sinh kế bền vững, văn hóa tộc người và đa dạng sinh học. Sự phát triển hiện tại và chính sách bảo tồn trong quá trình ĐCĐC có xu hướng cắt đứt liên kết này (Xu và cộng sự, 2009).

Trong khi đó, phần lớn các chính phủ nhìn nhận nông nghiệp du canh là nguyên nhân gây ra suy giảm sinh thái như đốt rừng, xói mòn đất, lũ lụt ở vùng thấp. Vì thế, xu hướng ĐCĐC cho người dân du canh là một lựa chọn chính sách phổ biến và nỗ lực thực hiện ở khắp nơi trên thế giới (Mc Caskill, 1997; Duncan và cộng sự, 2004).

Một số công trình gần đây nhấn mạnh tới quá trình và cách thức chuyển đổi nông nghiệp du canh sang ĐCĐC do sự gia tăng của nông nghiệp thâm canh, sự tác động của kinh tế thị trường cùng với chính sách ĐCĐC (Duncan, 2004; Xu và cộng sự, 2009; Cramb và cộng sự, 2003). Nhiều nghiên cứu có chung nhận định rằng, việc Nhà nước thực hiện tái định cư những người dân du canh cùng với quá trình toàn cầu hóa là nguyên nhân chính của quá trình chuyển đổi này ở hầu hết các quốc gia. Không ít nghiên cứu coi những nỗ lực của Chính phủ để ổn định và tái định cư người dân du canh có thể là sai lầm. Nhưng Dressler và cộng sự (2009) lại cho rằng, quá trình chuyển đổi sang ĐCĐC không dẫn đến sụp đổ của sản xuất du canh mà người dân tiếp tục dựa vào các giá trị văn hóa của lối sống truyền thống như một phương tiện vượt qua thời kỳ chuyển đổi.

## 2.3. Tác động của ĐCĐC đến văn hóa, xã hội tộc người và môi trường

Những tác động của ĐCĐC đến văn hóa, xã hội và môi trường được phân tích, đánh giá dưới nhiều góc độ nghiên cứu theo

hướng tiếp cận liên ngành: nhân học, sinh học, môi trường, chính trị, kinh tế... Những công trình theo xu hướng này xuất hiện ngày càng nhiều trên cơ sở phương pháp phân tích đa biến.

Các công trình, bài viết đã đi sâu phân tích về tác động của ĐCĐC đối với kinh tế, xã hội, văn hóa tộc người và môi trường. ĐCĐC đã ảnh hưởng đa chiều tới đời sống người dân. Nhưng kết quả ĐCĐC đem đến không như mong đợi ở nhiều nước. Những ảnh hưởng này có thể giống và khác nhau ở các quốc gia do cách thức thực hành và bối cảnh chính trị, xã hội chi phối.

Mặc dù ĐCĐC có những lợi ích quan trọng đối với cuộc sống người dân nhưng quá trình ĐCĐC đã để lại nhiều hệ lụy. Sinh kế của người dân trở nên ít bền vững hơn và vấn đề nghèo dinh dưỡng ngày càng phổ biến (Melnyk, 1993). Kế hoạch định cư người dân vùng cao lại là nguyên nhân gia tăng di dân nông thôn, làm phức tạp thêm mối quan hệ tộc người và tổn thương văn hóa bản địa (Goudineau và cộng sự, 2004). ĐCĐC làm cho không gian sống của cư dân bị thu hẹp, mai một văn hóa truyền thống, kiến thức bản địa không được sử dụng, đất đai canh tác nghèo kiệt dần; quyền sở hữu đất đai truyền thống bị thay đổi, tài nguyên bị khai thác mạnh mẽ nhưng người dân bản địa không được hưởng lợi... Những áp lực và hậu quả của ĐCĐC đã tiềm ẩn hoặc đã gây ra những căng thẳng trong quan hệ dân tộc (Marshall, 2006; Leskinen, 1989).

Ngoài ra, một số công trình tập trung đánh giá tác động của ĐCĐC ở những lĩnh vực cụ thể như: vấn đề dân số, sinh đẻ, lực lượng lao động và tỷ lệ thất nghiệp; tác động

của ĐCĐC đối với nguồn dinh dưỡng trong chế độ ăn uống và sức khỏe người dân; quyền sử dụng đất và quản lý tài nguyên; sự thay đổi vai trò của giới trong ĐCĐC; biến đổi của hoạt động săn bắn...

Nhìn chung, những công trình này thường tập trung nhấn mạnh đến những hậu quả của ĐCĐC đối với đời sống cư dân. Các nhà nhân học thường lo lắng về sự phai nhạt bản sắc văn hóa và những bất ổn xã hội do ĐCĐC gây ra. Tuy nhiên, một thực tế được đông đảo các nhà nghiên cứu thừa nhận rằng, quá trình chuyển đổi sang ĐCĐC là không thể cưỡng lại do các nỗ lực của Nhà nước và quá trình toàn cầu hóa. Những thay đổi mạnh mẽ của kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình ĐCĐC được lưu ý cho các thực hành chính sách phát triển tiếp theo của Chính phủ và các tổ chức phát triển.

### **3. Tình hình nghiên cứu ĐCĐC ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, nông nghiệp du canh và ĐCĐC đã trở thành vấn đề quan trọng trong chương trình nghị sự của Chính phủ về phát triển khu vực miền núi và DTTS. Một số lượng lớn các bài báo, báo cáo, sách và các hội nghị, hội thảo về chủ đề này của các tác giả trong và ngoài nước đã được công bố trong nhiều thập kỷ qua.

Có thể chia các công trình, bài viết về ĐCĐC và ĐCĐC ở Việt Nam theo hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất chủ yếu thuộc về các nhà nhân học/dân tộc học. Hầu hết các nghiên cứu theo khuynh hướng này thường tập trung quan sát và mô tả hệ thống kinh tế nương rẫy của các cư dân miền núi và tìm hiểu những đặc điểm văn hóa - xã hội của các dân tộc gắn với hệ

thống canh tác này. Theo Bùi Minh Đạo (2000, tr. 13), những nghiên cứu về trồng trọt truyền thống nước ta nhìn chung còn nặng về mô tả và thiếu hệ thống. Các công trình, bài viết thường đem lại cảm giác giống nhau về thực trạng kinh tế - xã hội các DTTS, về lối sống truyền thống và hậu quả của du canh.

Khuynh hướng thứ hai nhấn mạnh vào những quan tâm đến chính sách ĐCĐC. Các công trình, bài viết thuộc về nhóm này chủ yếu do các nhà hoạch định chính sách, kinh tế, nông nghiệp và môi trường thực hiện. Các nghiên cứu thường tập trung đánh giá, phân tích hậu quả của sản xuất du canh, tầm quan trọng của ĐCĐC và tình hình thực hiện ĐCĐC, từ đó đề xuất các giải pháp thực hành. Người ta ít đề cập đến mối liên hệ giữa con người và chính sách cũng như tác động của chính sách ĐCĐC đối với văn hóa tộc người.

Cả hai khuynh hướng nghiên cứu đều DCDC là lạc hậu và thực hiện ĐCĐC là cần thiết để thay đổi phương thức sống du canh du cư. Song các nhà nhân học/dân tộc học vốn coi DCDC là một lối sống, một nền văn hóa du canh nên họ luôn lưu ý rằng, thực hiện ĐCĐC phải chú ý đến đặc trưng văn hóa vùng, miền, tộc người; phải bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống trong hội nhập và phát triển. Trong khi, khuynh hướng thứ hai nhấn mạnh rằng, ĐCĐC là cần thiết và cấp bách để thay đổi có tính “cách mạng” kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc du canh. Tuy nhiên, cả hai khuynh hướng nghiên cứu ít có ảnh hưởng lẫn nhau và ít khi tiếp thu thành quả nghiên cứu của nhau. Những quan ngại và kiến nghị nhân học dường như vắng bóng trong

quá trình hoạch định và thực hành chính sách ĐCĐC.

Về mục đích nghiên cứu, có thể thấy ĐCĐC được bàn đến ở ba nhóm công trình: 1) Các nghiên cứu về kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường vùng miền núi và dân tộc; 2) Các công trình về nông nghiệp du canh và ĐCĐC; 3) Những nghiên cứu về biến đổi văn hóa - xã hội các dân tộc và tác động của ĐCĐC.

### ***3.1. Các công trình nghiên cứu về kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường vùng miền núi dân tộc***

Những đánh giá, phân tích về DCDC và ĐCĐC có mặt ở hầu hết các bài viết, sách báo, hội thảo, hội nghị về miền núi và dân tộc nước ta. Điều đó cho thấy tầm quan trọng và sức hút rất lớn của chủ đề này. Cho nên, nông nghiệp du canh và ĐCĐC được đề cập trong nhiều công trình đã xuất bản, chẳng hạn như: Khổng Diễn (chủ biên), 1996; Hoàng Chí Bảo và cộng sự, 2009; Ủy ban Dân tộc, 2006... Tuy nhiên, do những công trình này không lấy DCDC và ĐCĐC làm mục đích nghiên cứu nên nội dung đề cập thường mang tính sơ lược, dung lượng ít ỏi, chủ yếu là những trình bày về canh tác nương rẫy và hậu quả của loại hình canh tác này hoặc đưa ra những ý kiến nhận định, đánh giá khái quát về thực hiện ĐCĐC.

### ***3.2. Các công trình về nông nghiệp du canh và ĐCĐC***

Các công trình, bài viết mang tính chuyên khảo về nông nghiệp du canh và ĐCĐC ở nước ta có số lượng khá lớn đã được xuất bản và đăng tải trên nhiều tạp chí nghiên cứu.

Trong các tác giả, Đặng Nghiêm Vạn là một trong những nhà dân tộc học hàng đầu ở nước ta sớm có những công trình nghiên cứu sâu về nông nghiệp nương rẫy (Đặng Nghiêm Vạn, 1975, 1982...). Ông đã tập trung mô tả loại hình nông nghiệp nương rẫy từ phương pháp canh tác, kỹ thuật, công cụ sản xuất, sự tiến triển của các hình thái nương rẫy cho đến đời sống xã hội của cư dân DCDC. Ông đi đến kết luận rằng, sản xuất nương rẫy của các DTTS là một phương thức có tính nguyên thủy và lạc hậu chỉ thích ứng trong điều kiện dân số nhất định. Dù có những thích ứng, canh tác nương rẫy không thể duy trì như vậy khi dân số tăng lên và đất rừng cạn kiệt dần. Chính ĐCĐC là giải pháp hữu hiệu để đảm bảo đời sống các dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Những nghiên cứu của Đặng Nghiêm Vạn đã ảnh hưởng rộng rãi và mở ra một xu hướng có tính khuôn mẫu khi nghiên cứu về canh tác nương rẫy và ĐCĐC ở Việt Nam. Các công trình nối tiếp về chủ đề này tiếp tục đi sâu tìm hiểu và mô tả các hình thức du canh ở những tộc người về đặc điểm kỹ thuật và biện pháp canh tác (Nguyễn Ngọc Thanh, Vương Xuân Tình, 1995; Khổng Diển và cộng sự, 1996; Nguyễn Anh Ngọc, 1990; Phạm Quang Hoan, Nguyễn Ngọc Thanh, 1998; Bùi Minh Đạo, 2000; Trần Bình, 2000...). Trên cơ sở trình bày các hình thức canh tác nương rẫy và hậu quả của du canh (nhất là du canh mở), các tác giả khẳng định cần phải đẩy mạnh thực hiện ĐCĐC. Nhưng ĐCĐC phải dựa trên những đặc điểm vùng cảnh quan, văn hóa tộc người và tình hình dân cư tại chỗ. Nguyên nhân du canh tiếp tục được mổ xẻ phân tích

để từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị khi thực hiện ĐCĐC (Trần Hữu Sơn, 1997; Nguyễn Thúy Hà và cộng sự, 2006).

Từ khoảng hai thập kỷ nay, một số công trình nghiên cứu đã nhấn mạnh đến những yếu tố tích cực của canh tác nương rẫy trong hệ sinh thái nông nghiệp. Phương pháp luân canh truyền thống của nhiều DTTS Việt Nam được coi là thể ứng xử hợp lý và bảo vệ môi trường sinh thái, một dạng thức để đối phó và khai thác hợp lý tài nguyên môi trường. Song du canh truyền thống không thể tiếp tục như trước đây và can thiệp là cần thiết nhưng làm sao để phát huy được kiến thức bản địa của người dân trong ĐCĐC (Bùi Minh Đạo, 2000; Phan Hữu Dật, 2004; Nguyễn Văn Chính, 2005).

Bên cạnh đó, có một số lượng không nhỏ các công trình, bài viết bàn về chính sách ĐCĐC đã ra đời. Ngoài quan điểm phê phán DCDC, trọng tâm của nhóm công trình này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ĐCĐC, tính cấp thiết và vai trò của việc thực hiện ĐCĐC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng cao của các dân tộc. ĐCĐC để phát huy các nguồn lợi, tiềm năng và thế mạnh miền núi, cải thiện đời sống nhân dân. ĐCĐC gắn liền với tiến bộ xã hội, nâng cao mức sống người dân để phát triển tiến tới văn minh (Cư Hòa Vân, 1988; Cục ĐCĐC và Vùng kinh tế mới, 2001; Ma Chương Thọ, 1998). Nhiều công trình, bài viết về tình hình và kết quả cuộc vận động ĐCĐC ở một số địa phương hay tộc thiểu số cụ thể. Hầu hết các nghiên cứu đều tập trung đánh giá thành tựu, kết quả của ĐCĐC và nêu lên những vấn đề đặt ra, giải pháp thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

Đáng chú ý hơn cả, Lê Ngọc Thắng và cộng sự (2006) đã thực hiện một nghiên cứu chuyên khảo về chính sách ĐCĐC ở Việt Nam trong tương quan so sánh với một số chính sách ĐCĐC trên thế giới. Nhưng quan tâm chính của công trình lại tập trung vào đánh giá chính sách ĐCĐC thông qua thực hành các dự án từ năm 2000 đến nay trong khuôn khổ Chương trình 135.

### **3.3. Các công trình về ĐCĐC và biến đổi văn hóa, xã hội, môi trường**

ĐCĐC và biến đổi kinh tế - xã hội các DTTS cũng thường được đề cập trong nhiều công trình, bài viết về chủ đề dân tộc và miền núi. Người ta tập trung đánh giá tình hình ĐCĐC và một số tác động đến kinh tế, xã hội và môi trường nhưng thường tản mạn và thiếu hệ thống.

Nhìn lại tình hình nghiên cứu mấy thập kỷ qua, các nghiên cứu chuyên đề về tác động của ĐCĐC hầu như còn vắng bóng. Tuy nhiên, đã có một số bài viết đánh giá những biến đổi kinh tế - xã hội nói chung của đồng bào dân tộc trong cuộc sống ĐCĐC (Trần Văn Hà, 1996), một số bài viết tìm hiểu những biến đổi trên các lĩnh vực cụ thể như: dân cư, dân số và nguồn lao động (Lê Duy Đại, 1989); tập quán ăn uống trong bối cảnh an toàn lương thực khi ĐCĐC (Vương Xuân Tình, 2003); môi trường và khai thác tài nguyên rừng... ĐCĐC và các chính sách thời kỳ Đổi mới của Nhà nước, nhất là tác động của nền kinh tế thị trường được coi là nguyên nhân tạo ra những thay đổi trong đời sống văn hoá tộc người. Tuy nhiên, những tác động của ĐCĐC nêu ra chưa được đi sâu phân tích, đồng thời những tác động của ĐCĐC chủ yếu nói đến những thay đổi tốt đẹp mang lại.

Đáng lưu ý, gần đây, một số công trình nghiên cứu về ĐCĐC của Nguyễn Văn Chính được tác giả tiếp cận dưới góc độ nhân học trong mối quan hệ giữa Nhà nước và tộc người. Tác giả nhấn mạnh vào quá trình hoạch định chính sách, so sánh phân tích giữa chính sách và quá trình tổ chức thực hiện, nhất là tác động của ĐCĐC đến văn hóa, xã hội các dân tộc (Nguyễn Văn Chính, 2005, 2008).

Nông nghiệp du canh và thực hành ĐCĐC ở Việt Nam còn thu hút sự quan tâm của nhiều học giả nước ngoài. Chủ đề này đề cập ở nhiều bài viết trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á và thế giới. Các nhà nghiên cứu phương Tây có xu hướng phủ định nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong phát triển miền núi thông qua chương trình ĐCĐC. Họ cho rằng, những chính sách phát triển miền núi như ĐCĐC là cách thức để Chính phủ Việt Nam “đồng hoá” các dân tộc thiểu số, kiểm soát đất đai và đảm bảo an ninh quốc gia giống như nhiều nhà nước châu Á (Keys, 2002, tr. 455; Saleminck, 2000).

Song có những học giả nhìn nhận chính sách ĐCĐC là một nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong phát triển các DTTS (Grant, 1985). Họ cho rằng đó không phải là quá trình đồng hóa mà là quá trình tương tác giữa các dân tộc và Nhà nước. ĐCĐC đã thành công ở nhiều nơi bởi người dân từng bước thích ứng được với cuộc sống mới (Stan B H Tan và Andrew Walker, 2008).

### **4. Một số nhận xét**

Những công trình nghiên cứu về nông nghiệp du canh và ĐCĐC trên thế giới được tiếp cận dưới nhiều góc độ lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau. Phương pháp nghiên

cứu thực địa thường được tiến hành công phu, kết hợp nhuần nhuyễn giữa phân tích định tính và định lượng qua nguồn tư liệu khảo sát. Một số nghiên cứu dựa trên cả khảo sát thực địa và phân tích ảnh vệ tinh viễn thám. Phương pháp phân tích đa biến từ các tiếp cận liên ngành được sử dụng ở nhiều công trình nghiên cứu.

Các công trình, bài viết có nội dung phong phú và đa dạng thường được thảo luận trong bối cảnh rộng lớn của khu vực và quốc tế. Vì vậy, phương pháp so sánh thường xuyên có mặt ở nhiều công trình. Các nội dung nghiên cứu, số liệu phân tích được so sánh đa dạng theo cả chiều đồng đại và lịch đại đem lại cái nhìn toàn cảnh và có tính hệ thống. Những đánh giá định tính thường có độ khái quát cao và nguồn tài liệu tham khảo phong phú. Các vấn đề nghiên cứu được xem xét một cách tổng thể nhưng người ta thường tập trung phân tích về cấu trúc và biến đổi văn hóa - xã hội của các cộng đồng cư dân trong bối cảnh chính trị - xã hội, lịch sử.

Trong khi đó, các nghiên cứu về nông nghiệp du canh và ĐCĐC ở Việt Nam cũng khá đa dạng. Nhưng hầu như không có công trình nào phân tích một cách hệ thống về phương thức du canh ở các dân tộc. Những công trình nghiên cứu liên ngành được định vị trong phạm vi rộng hơn chưa xuất hiện. Hơn nữa, các nghiên cứu có rất ít nỗ lực để xem xét những tác động của ĐCĐC đối với người dân. Hướng tiếp cận và phương pháp chủ yếu là tập trung mô tả về hệ thống canh tác nương rẫy. Đóng góp lớn của các công trình này là đem lại cái nhìn rộng lớn về lối sống và văn hóa nông nghiệp nương rẫy của các dân tộc Việt Nam với nguồn tư liệu khá phong phú.

Nhìn chung, các nghiên cứu về ĐCĐC ở Việt Nam đã sớm nhận được sự quan tâm cả ở trong và ngoài nước với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay còn thiếu vắng những công trình mang tính hệ thống và liên ngành bàn về ĐCĐC và tác động của nó đến văn hóa các DTTS. Hiện nay, Nhà nước vẫn đang tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác ĐCĐC đối với bộ phận đồng bào còn DCDC hoặc ĐCĐC chưa vững chắc. Vì thế, nông nghiệp du canh và ĐCĐC vẫn là chủ đề nghiên cứu có nhiều ý nghĩa quan trọng và hết sức cần thiết.

### Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) (2009), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Bình (2000), *Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
3. Baldinelli G., (2010), “Rotational Farming - Shifting Cultivation and Climate Change”, <http://agrobiodiversityplatform.org/climatechange/2010/11/10/>
4. Nguyen Van Chinh (2005), “Sedentarization in the Mountain Regions of Vietnam: Policies, Practices and Consequences”, *Paper presented to the RCSD conference*, Chiang Mai, 5/2005.
5. Nguyen Van Chinh (2008), “From Swidden Cultivation to Fixed Farming and Settlement; Effects of Sedentarization Policies among the Khmu in Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies*, Vol. 3, Issue 3, tr. 44-80.
6. Cramb A. R., Carol J., Pierce Colfer, Wolfram Dressler, Pinkaew

Laungaramsri, Quang Trang Le, Elok Mulyoutami, Nancy L. Peluso and Reed L. Wadley (2003), “Swidden Transformations and Rural Livelihoods in Southeast Asia”, *Biological Conservation*, Vol. 110, Issue 2, April 2003, tr. 231-243.

7. Cục ĐCĐC và Vùng kinh tế mới (2001), *Di dân, kinh tế mới, định canh định cư - lịch sử và truyền thống*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

8. Phan Hữu Dật (2004), *Góp phần nghiên cứu Dân tộc học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Khổng Diễm (Chủ biên) (1996), *Những đặc điểm kinh tế - xã hội các dân tộc miền núi phía Bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Dressler, W. and Pulhin J., (2009), “The Shifting Ground of Swidden Agriculture on Palawan Island, the Philippines”, *Agriculture and Human Values*, Vol. 27, No. 4, tr. 445-459.

11. Duncan, R. C. (2004), “Legislating Modernity among the Marginalized”, in: *Civilizing the Margins Southeast Asian Government Policies for the Development of Minorities*, ed. Christopher Duncan, Ithaca, NY: Cornell University Press, 2004.

12. Lê Duy Đại (1989), “Những đặc điểm dân cư và một số vấn đề định canh định cư”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2+3, tr. 44-66.

13. Bùi Minh Đạo (2000), *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Fox J., Yayoi Fujita, Dimbab Ngidang, Nancy Peluso and Lesley Potter, và cộng sự (2009), “Policies, Political-Economy, and Swidden in Southeast Asia”, *Human Ecology*, Vol. 37, No. 3, tr. 305-322.

15. Goudineau, Y. and Evrard Olivier (2004), “Planned Resettlement, Unexpected Migrations and Cultural Trauma in Laos”, *Development and Change*, 35(5), tr. 937-962.

16. Grant, E. (1985), “Nhân học ở Việt Nam”, trong: *Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, 2005, Hà Nội.

17. Nguyễn Thuý Hà (Chủ biên) (2006), *Ảnh hưởng của hiện tượng du canh du cư đến cộng đồng người H'mông ở miền núi phía Bắc*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

18. Trần Văn Hà (1996), “Những biến đổi về kinh tế - xã hội của người Dao ở xã Tân Dân, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 56-64.

19. Phạm Quang Hoan, Nguyễn Ngọc Thanh (1998), “Văn hóa của người H'mông và môi trường”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 8-20.

20. <http://www.sciencedirect.com/science?ob=ArticleURL&udi=B6V5X4WKJ5GG-1&user=10&coverDate=11%2F30%2F2009&rdoc=1&fmt=high&orig=gateway&origin=gateway&sort=d&docanchor=&view=c&searchStrId=1692797258&rerunOrigin=google&acct=C000050221&version=1&urlVersion=0&userid=10&md5=7d3d1e7c0629a1525533763afaa16002&searchtype=a-#>

21. Keys, C. F., (2002), “Các dân tộc ở châu Á - Khoa học và Chính trị trong việc phân loại tộc người ở Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam”, trong: *Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, 2005, Hà Nội, tr. 419-472.

22. Leskinen, A. N., (1990), “Những quá trình dân tộc ở Liên xô: Tìm kiếm cách tiếp cận mới”, trong: *Quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc trong Chủ nghĩa xã hội*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 86-104.

23. Marshall, M. (2006), "The Sedentarization of Israeli Bedouins: A Ticking Time Bomb", Professor Sullivan, *International Studies*, <http://www.tcnj.edu/~marsha22/int200/middleeast/israel/Bedouin%20Conflict.doc>
24. Mc Caskill, D., (1997), "Từ người các bộ tộc trở thành các dân tộc thiểu số: Sự chuyển đổi của các dân tộc bản địa - Một cuộc tranh luận lý thuyết", trong: *Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, 2005, Hà Nội, tr. 473-500.
25. Melnyk, M. (1993), "The Effect of Sedentarization on Agriculture and forest Resources in Southern Venezuela", Article - ODI *Rural Development Forestry Network Papers* 16b, December 1993.
26. Nguyễn Anh Ngọc (1990), "ĐCĐC - Vấn đề quan trọng và cấp bách của việc thực hiện chính sách dân tộc ở vùng cao miền Bắc hiện nay", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 10-13.
27. Padoch, C., Pinedo-Vasquez, M. (2010), "Saving Slash and Burn to Save Biodiversity", *Biotropica*, Vol. 42, Issue 5, tr. 550-552.
28. Saleminck, O., (2000), "Định canh định cư và sự bảo tồn có chọn lọc các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên", trong: *Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*, 2005, Hà Nội, tr. 591-614.
29. Trần Hữu Sơn (1997), "Nguyên nhân du canh du cư và những vấn đề đặt ra", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 3-8.
30. Tan, Stan B H and Andrew Walker (2008), "Beyond Hills and Plains: Rethinking Ethnic Relations in Vietnam and Thailand", *Journal of Vietnamese Studies*, Vol. 3, Issue 3, tr. 117-157.
31. Nguyễn Ngọc Thanh, Vương Xuân Tình (1995), "Kinh tế truyền thống", trong: *Đặc trưng văn hoá và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 119-133.
32. Lê Ngọc Thắng (Chủ biên) (2006), *Nghiên cứu về định canh, định cư ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
33. Ma Chương Thọ (1998), "Công tác định canh định cư trong chiến lược xóa đói giảm nghèo ở vùng cao Việt Nam, thực trạng và giải pháp", trong: *Chương trình người dân vùng cao Việt Nam (HPP) 1996 -2001*, Hà Nội, tr. 81-90.
34. Vương Xuân Tình (2003), "Hệ thống thức ăn của người Hmông trong bối cảnh an toàn lương thực", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 3-19.
35. Đặng Nghiêm Vạn (1975), "Vài ý kiến về vấn đề nương rẫy trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 7-21.
36. Đặng Nghiêm Vạn (1982), "Đặc điểm kinh tế - xã hội truyền thống các dân tộc ít người ở Việt Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 11-18.
37. Cư Hoà Vàn (1988), "Công tác định canh định cư và những vấn đề đặt ra hiện nay", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 35-41.
38. Ủy ban Dân tộc (2006), *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
39. Xu J., L. Lebel, and J. Sturgeon, (2009), "Functional links between biodiversity, livelihoods, and culture in a Hani swidden landscape in southwest China", *Ecology and Society*, 14(2), tr. 20; [online] URL: <http://www.ecologyandsociety.org/vol14/iss2/art20/>